TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: **118**/2025/DS-ST
Ngày: 16/5/2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thái Sơn.

2. Bà Nguyễn Thị Lưu Ly.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn Thị Thanh Hà – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16/5/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6 xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 271/2024/TLST-DS ngày 10/10/2024 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2025/QĐXXST-DS ngày 25/3/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2025/QĐST- DS ngày 22/4/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q.

Địa chỉ trụ sở: Tầng 1 (tầng trệt) và Tầng 2, Tòa nhà S – Số 111A Đường P, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

* *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Hàn Ngọc V – Chức vụ: Tổng giám đốc.

* *Người đại diện theo ủy quyền*: Bà Trần Thị Thu H – Chức vụ: Giám đốc Trung tâm quản lý nợ.

* *Người đại diện theo ủy quyền lại:*

1/ Ông Lưu Trường H – Chức vụ: Cán bộ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q;

2/ Ông Nguyễn Văn T - Chức vụ: Cán bộ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q;

3/ Ông Nguyễn Huy H - Chức vụ: Cán bộ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q;

4/ Bà Lưu Phúc N - Chức vụ: Cán bộ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q;

Cùng địa chỉ liên lạc: Tầng 6, Tòa nhà P, số 26 Đường Ung Văn K, Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền số 290410.24 ngày 16/12/2024).

- *Bị đơn*: Ông Trương Hiệp P, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số 8/2 đường T, Phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Lưu Phúc N có mặt; Ông Trương Hiệp P vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; các Bản tự khai và Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q thông qua người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T, bà Lưu Phúc N trình bày:

- Ngày 28/10/2020, Ngân hàng TMCP Q (viết tắt là V) – Phòng giao dịch P ký với ông Trương Hiệp P Hợp đồng tín dụng số 8804484.20 với nội dung: Ngân hàng đồng ý duyệt cho ông Trương Hiệp P được vay số tiền 419.000.000 đồng; Mục đích vay: Thanh toán mua 01 xe ô tô nhãn hiệu SUZUKI ERTIGA; Thời hạn vay: 84 tháng (từ ngày 29/10/2020 đến ngày 28/10/2027); Hoàn trả khoản vay gốc: Hàng tháng trả 6.984.000 đồng vào ngày 01 dương lịch, kỳ cuối trả 6.944.000 đồng. Kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 01/12/2020;

Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 9.4%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi (so với lãi suất thông thường là Lãi suất cơ sở theo sản phẩm trong kỳ + biên độ 3.5%/năm) và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 3 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm theo quy định của V tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 4.1%/năm. Lãi trả hàng tháng vào ngày 01 dương lịch; Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn;

Trả phí: theo quy định của V từng thời kỳ.

Sau khi ký hợp đồng, V đã giải ngân cho ông Trương Hiệp P theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 8054827.20 ngày 28/10/2020 của ông Trương Hiệp P với số tiền 419.000.000 đồng.

- Ngày 03/06/2021, ông Trương Hiệp P có đơn Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản. Theo đó, V đã phát hành thẻ tín dụng cho ông Trương Hiệp P 01 thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng là: 40.000.000 đồng, loại thẻ: V Happy Drive, mục đích vay: tiêu dùng, lãi suất vay: theo quy định của V theo từng thời kỳ.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Trương Hiệp P đã vi phạm nội dung thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký, khoản vay đã quá hạn thanh toán từ ngày 01/04/2022 đến nay và hiện đang xếp loại nợ nhóm 5 là nợ xấu theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 31/2024/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Tạm tính đến ngày 16/05/2025, ông Trương Hiệp P đã thanh toán cho V tổng số tiền là 423.977.413 đồng (trong đó: gốc là 392.510.400 đồng, lãi là 31.467.013 đồng) và còn nợ Ngân hàng TMCP Q số tiền là: 225.209.283 đồng, trong đó: Dư nợ theo hợp đồng tín dụng số 8804484.20 ngày 28/10/2020 là 137.373.434 đồng (Nợ gốc là: 26.489.600 đồng, nợ lãi là: 110.883.834 đồng) và dư nợ Thẻ tín dụng là: 87.835.849 đồng.

Nay, Ngân hàng V yêu cầu ông Trương Hiệp P phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán ngay một lần toàn bộ nợ gốc, lãi và phí phát sinh tạm tính đến hết ngày 16/5/2025 là: 225.209.283 đồng, trong đó gồm có: Dư nợ theo Hợp đồng tín dụng số 8804484.20 ngày 28/10/2020 là 137.373.434 đồng (Nợ gốc là: 26.489.600 đồng, nợ lãi là: 110.883.834 đồng) và dư nợ Thẻ tín dụng là: 87.835.849 đồng.

Ngoài ra, ông Trương Hiệp P còn phải tiếp tục chịu tiền lãi, phí phát sinh kể từ ngày 17/5/2025 cho đến khi ông Trương Hiệp P thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký.

Ngoài ra, nguyên đơn không còn yêu cầu nào khác.

* *Bị đơn là ông Trương Hiệp P:* Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Trương Hiệp P đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông Trương Hiệp P.

**** Tại phiên tòa:***

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Lưu Phúc Nhi trình bày:

Phía nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn về việc yêu cầu thanh toán các khoản nợ tạm tính đến ngày 16/5/2025 là 225.209.283 đồng, trong đó gồm có: Dư nợ theo Hợp đồng tín dụng số 8804484.20 ngày 28/10/2020 là 137.373.434 đồng và dư nợ Thẻ tín dụng là: 87.835.849 đồng.

Nguyên đơn xin trình bày bổ sung các thông tin cụ thể như sau:

+ Đối với hợp đồng tín dụng số 8804484.20 ngày 28/10/2020, ông Trương Hiệp P đã ngừng thanh toán từ ngày 01/4/2022 nên ngày 05/9/2022 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn;

Ngày 14/02/2023, ông Trương Hiệp P đã giao tài sản bảo đảm là xe ô tô nhãn hiệu SUZUKI ERTIGA cho Ngân hàng bán đấu giá để thanh toán nợ. Số tiền bán xe là 347.600.400 đồng, sau khi trừ các chi phí bán đấu giá thì số tiền còn lại là 297.700.000 đồng đã được trừ vào nợ gốc. Sau đó, ông Trương Hiệp P không thanh toán cho Ngân hàng khoản tiền nào khác.

Như vậy, tính đến ngày xét xử thì tổng số tiền ông Trương Hiệp P đã thanh toán cho Ngân hàng V là 423.977.413 đồng, trong đó: trả gốc là 392.510.400 đồng, trả lãi là 31.467.013 đồng. Số tiền còn nợ là 137.373.434 đồng (Nợ gốc là: 26.489.600 đồng, nợ lãi là: 110.883.834 đồng).

+ Đối với thẻ tín dụng: Ngân hàng đã phát hành cho ông Trương Hiệp P 01 thẻ tín dụng có hạn mức 40.000.000 đồng, loại thẻ: V Happy Drive, số thẻ 513892xxx7300, số tiền ông Trương Hiệp P đã sử dụng từ khi kích hoạt thẻ đến ngày thẻ bị khóa (ngày 05/9/2022) là 321.261.686 đồng; Tổng số tiền đã thanh toán là 281.274.581 đồng. Tính đến ngày xét xử còn dư nợ gốc là 39.987.105 đồng + Lãi là 13.736.174 đồng + Phí là 34.112.570 đồng. Tổng dư nợ thẻ là 87.835.849 đồng.

Từ ngày 05/9/2022, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q đã khóa thẻ của ông Trương Hiệp P nên đến ngày 16/5/2025 ông Trương Hiệp P không phát sinh thêm khoản nợ nào khác từ thẻ tín dụng nêu trên.

- Bị đơn là ông Trương Hiệp P đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định nhưng ông Trương Hiệp P vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến:*

- *Về tố tụng*:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã xác định đúng yêu cầu, quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền thụ lý theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Thẩm phán xác định đúng tư cách pháp lý của đương sự, mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng.

Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ việc cấp, tống đạt văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và đương sự theo đúng quy định, thực hiện đúng trình tự tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử đã tiến hành mở phiên tòa đưa vụ án ra xét xử đúng thời gian, địa điểm đã được ghi trong quyết định đưa vụ án ra xét xử. Thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định và không thuộc trường hợp phải từ chối hoặc thay đổi người tiến hành tố tụng theo quy định tại điều 52, 53, 54 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo đúng quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về nội dung*:

1. Xét quan hệ pháp luật dân sự giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, quyền và nghĩa vụ của các bên được pháp luật bảo vệ. Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông Phi đã vi phạm hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q. Căn cứ quy định

tại Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, ông Phi đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vi phạm pháp luật dân sự về bảo vệ quyền tài sản của chủ sở hữu.

Xét thấy, mức lãi, phí mà các bên thỏa thuận là phù hợp theo quy định khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của ngân hàng nhà nước Việt Nam. Do đó, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q khởi kiện yêu cầu ông Phi thanh toán nợ là có cơ sở được chấp nhận.

Bởi các lẽ trên;

- Căn cứ Điều 26, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 275, Điều 357, Điều 463, khoản 5 Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của HĐTP TAND tối cao.

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

2. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trình bày của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.]Về tố tụng:

- Ông Trương Hiệp P ký kết Hợp đồng tín dụng và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q (gọi tắt là V), mục đích vay để tiêu dùng cá nhân nên vụ án thuộc tranh chấp Hợp đồng dân sự (Hợp đồng tín dụng) theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Theo Hợp đồng tín dụng và đơn khởi kiện, V xác định ông Trương Hiệp P có nơi cư trú tại Quận 6; Theo kết quả xác minh của Công an Phường M, Quận S về nơi cư trú của bị đơn thì bị đơn là ông Trương Hiệp P có nơi cư trú tại địa chỉ: Số 8/2 đường T, Phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh, nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6.

- Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:

Bị đơn vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa.

Tòa án đã thực hiện việc tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn không có mặt cũng như không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì để giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2.] Về nội dung:

2.1. Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu ông Trương Hiệp P thanh toán số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng số 8804484.20 ngày 28/10/2020 là 137.373.434 đồng:

Qua xem xét nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, đối chiếu với các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, như: Hợp đồng tín dụng, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng; Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của V; Bản sao kê tài khoản, lịch sử giao dịch đối với các giao dịch của bị đơn; Giấy nhắc nợ đối với bị đơn… có căn cứ xác định: Ngày 28/10/2020, Ngân hàng TMCP Q (viết tắt là V) – Chi nhánh G - Phòng giao dịch P và ông Trương Hiệp P ký kết Hợp đồng tín dụng số 8804484.20 với nội dung: Ngân hàng cho ông Trương Hiệp P vay số tiền 419.000.000 đồng; mục đích vay để thanh toán tiền mua xe ô tô nhãn hiệu SUZUKI ERTIGA; Thời hạn vay: 84 tháng (từ ngày 29/10/2020 đến ngày 28/10/2027); Hoàn trả khoản vay gốc: Hàng tháng trả 6.984.000 đồng vào ngày 01 dương lịch, kỳ cuối trả 6.944.000 đồng. Kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 01/12/2020; Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 9.4%/năm, lãi trả hàng tháng vào ngày 01 dương lịch; Lãi quá hạn bằng 150 % lãi trong hạn. Sau khi ký hợp đồng, ông Trương Hiệp P đã được giải ngân toàn bộ số tiền vay 419.000.000 đồng.

Sau khi vay, ông Trương Hiệp P thực hiện việc thanh toán nợ theo thỏa thuận đến ngày 01/4/2022 thì ngừng trả nợ nên ngày 05/9/2022 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ 324.190.000 đồng sang nợ quá hạn; Ngày 14/02/2023, ông Trương Hiệp P đã giao tài sản bảo đảm là xe ô tô cho Ngân hàng bán đấu giá để thanh toán số nợ gốc là 297.700.000 đồng, cho đến nay không thanh toán thêm cho Ngân hàng khoản nào khác.

Tính đến ngày xét xử, ông Trương Hiệp P đã thanh toán cho Ngân hàng V tổng số tiền là 423.977.413 đồng, trong đó: trả gốc là 392.510.400 đồng, trả lãi là 31.467.013 đồng. Số tiền còn nợ là 137.373.434 đồng (Nợ gốc là: 26.489.600 đồng, nợ lãi trong hạn là: 52.635.190 đồng và lãi quá hạn là 58.248.644 đồng).

2.2. Đối với yêu cầu về dư nợ thẻ tín dụng là 87.835.849 đồng:

Theo Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản của ông Trương Hiệp P ngày 03/06/2021, Ngân hàng V đã phát hành cho ông Trương Hiệp P 01 thẻ tín dụng có hạn mức 40.000.000 đồng, loại thẻ: V Happy Drive, số thẻ 513892xxx7300, số tiền ông Trương Hiệp P đã sử dụng từ khi kích hoạt thẻ đến ngày thẻ bị khóa (ngày 05/9/2022) là 321.261.686 đồng; Tổng số tiền đã thanh toán là 281.274.581 đồng. Tính đến ngày xét xử còn dư nợ gốc là

39.987.105 đồng + Lãi là 13.736.174 đồng + Phí là 34.112.570 đồng. Tổng dư nợ thẻ là 87.835.849 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không tham gia tố tụng, không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng như các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp cho Tòa án là mặc nhiên thừa nhận các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

Mặc dù, Hợp đồng tín dụng có kỳ hạn vay 84 tháng. Nhưng các bên thỏa thuận bị đơn có nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi hàng tháng theo phân kỳ như đã nêu trên. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng vay thì ông Trương Hiệp P không trả nợ đúng kỳ hạn theo thỏa thuận là vi phạm Điều 5 của hợp đồng tín dụng. Do đó, Ngân hàng V yêu cầu Tòa án buộc ông Trương Hiệp P phải thanh toán toàn bộ khoản nợ 225.209.283 đồng như đã phân tích trên là có cơ sở chấp nhận, trong đó: Dư nợ theo Hợp đồng tín dụng số 8804484.20 ngày 28/10/2020 là 137.373.434 đồng và dư nợ Thẻ tín dụng là: 87.835.849 đồng.

Kể từ ngày 17/5/2025, ông Trương Hiệp P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 8804484.20 ngày 28/10/2020 và Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 03/06/2021 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Trong trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay. (*Theo nội dung án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao*).

[3.] Án phí dân sự sơ thẩm:

Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Ông Trương Hiệp P có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, tính được là: 225.209.283 đồng x 5% = 11.260.464 đồng;

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.139.280 đồng theo biên lai thu số 0011551 ngày 15/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 150, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

- Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam đối với ông Trương Hiệp P về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản". Cụ thể:

Buộc ông Trương Hiệp P phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam khoản nợ tạm tính đến ngày 16/5/2025 là **225.209.283 đồng (Hai trăm hai lăm triệu hai trăm lẻ chín ngàn hai trăm tám mươi ba đồng)**. Gồm các khoản:

+ Dư nợ của Hợp đồng tín dụng số 8804484.20 ngày 28/10/2020 là **137.373.434 đồng** (nợ gốc là: 26.489.600 đồng, nợ lãi trong hạn là: 52.635.190 đồng và lãi quá hạn là 58.248.644 đồng).

+ Dư nợ Thẻ tín dụng số 513892xxx7300 là **87.835.849 đồng** (nợ gốc là 39.987.105 đồng + Lãi là 13.736.174 đồng + Phí là 34.112.570 đồng)

Kể từ ngày 17/5/2025, ông Trương Hiệp P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 8804484.20 ngày 28/10/2020 và Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 03/06/2021 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Trong trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trương Hiệp P phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là **11.260.464 đồng (Mười một triệu hai trăm sáu mươi ngàn bốn trăm sáu mươi bốn đồng)**;

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.139.280 đồng (Năm triệu một trăm ba mươi chín ngàn hai trăm tám mươi đồng) theo biên lai thu số 0011551 ngày 15/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Ông Trương Hiệp P có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND Quận 6;
- Chi cục Thi hành án Q6;
- Các đương sự;
- Chánh án (để báo cáo);
- Lưu HS – VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Tú